

THÔNG TIN CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM HỌC 2017-2018

A. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Nhà trẻ						
Số phòng theo chức năng	4	4				
Chia ra: - Phòng sinh hoạt chung	2	2				
- Phòng vệ sinh	2	2				
- Phòng ngủ						
- Phòng khác						
Mẫu giáo						
Số phòng theo chức năng	18	18				
Chia ra:	12	12				
- Phòng sinh hoạt chung	6	6				
- Phòng vệ sinh						
- Phòng ngủ						
- Phòng khác						

B. Khối phục vụ học tập	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	1	1				
Chia ra:						
- Phòng giáo dục thể chất						
- Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	1	1				
- Phòng khác						

C. Khối phòng tổ chức ăn	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	2	2	1			
Chia ra:						
- Nhà bếp	1	1	1			
- Nhà kho	1	1				
- Phòng khác						

D. Khối phòng khác	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	2	2				
Chia ra:						
- Phòng y tế	1	1				
- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	1	1				
E. Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	5	5				
Chia ra:						
- Phòng Hiệu trưởng	1	1				
- Phòng Phó hiệu trưởng	1	1				
- Văn phòng trường	1	1				
- Phòng họp	1	1				
- Phòng hành chính quản trị						
- Phòng bảo vệ	1	1				
- Nhà công vụ giáo viên						
- Phòng nhân viên						
- Phòng khác						

F. Khối công trình công cộng	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	1			1		
Chia ra:						
- Nhà xe giáo viên	1			1		
- Phòng khác						

Cơ sở vật chất khác				Số lượng
Số phòng học nhờ				
Số phòng học 3 ca				
Diện tích đất (m²)				
Tổng diện tích đất				4662

Trong đó: Diện tích đất được cấp			4662
Diện tích đất đi thuê			
Diện tích đất sân chơi			2075
Tổng diện tích một số loại phòng (m²)			
Tổng số			775
Chia ra: Diện tích phòng học			599
Trong TS: Diện tích phòng ngủ			599
Diện tích bếp ăn			120
Diện tích phòng đa chức năng			65
Diện tích phòng giáo dục thể chất			
Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT (ĐVT: bộ)			Bộ đầy đủ Bộ chưa đầy đủ
Tổng số			15
Chia ra:- Nhà trẻ			3
- Mẫu giáo			12
Thiết bị phục vụ giảng dạy			
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng			11
Chia ra: - Máy vi tính phục vụ học tập			5
- Máy vi tính phục vụ quản lý			6
Trong đó: Máy vi tính đang sử dụng được nối Internet			11
Số máy in			
Số thiết bị nghe nhìn			
Trong đó: - Tivi			17
- Nhạc cụ			15
- Cát xét			
- Đầu Video			
- Đầu đĩa			16
- Máy chiếu OverHead			
- Máy chiếu Projector			1
- Máy chiếu vật thể			1
- Thiết bị khác			

Loại nhà vệ sinh	Số lượng (nhà)		
	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
		Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	1		8
Chưa đạt chuẩn vệ sinh			

Không có			
----------	--	--	--

Nguồn nước		1-Nước máy; 2-Giếng khoan/đào; 3-Sông/suối; 4-Nước mưa; 5-Ao/hồ
Nước dùng hợp vệ sinh	1	1-Có; 0-Không
Nguồn điện lưới	1	1-Có; 0-Không
Bếp ăn 1 chiều	1	1-Có; 0-Không
Cổng trường	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi có 5 loại TB trở lên	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi có đồ chơi	1	1-Có; 0-Không
Hàng rào	1	1-Xây; 2-Kẽm lưới; 3-Cây xanh
Phần mềm tuyển sinh đầu cấp		1-Có; 0-Không